

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

Bà Khúc Thị Minh

- T1 ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà - T1 ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Võ T, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn Đ2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14/3/2022 và các bản tự khai chị A trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Võ T thời gian năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2021 do phong cách sống không còn phù hợp, anh T ghen tuông chị vô cớ trong quan hệ bạn bè xã hội. Vợ chồng T lờn xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù chị cố gắng sống chịu đựng, đã được gia đình nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng

trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 và Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014 hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Chị xin được nuôi dưỡng cháu T1, nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi cả hai con đủ 18 tuổi (trên cơ sở nguyện vọng của hai con). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa chị và anh T thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, anh T trình bày: Thống nhất với chị A về thời gian kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2021 do phong cách sống không còn phù hợp, anh nghi ngờ chị A sống không chung thủy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù anh đã cùng gia đình, thôn xóm nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị A bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh đồng ý ly hôn chị A.

Về con chung: Có 02 con là Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 và Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014 hiện đang do anh nuôi dưỡng. Anh xin tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi (trên cơ sở nguyện vọng của hai con). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; giữa anh và chị A thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

N đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình

cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị A bỏ về mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị A và anh T đều tự nguyện ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Võ T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 và Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014, hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Nay chị A xin được nuôi dưỡng cháu T1, nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; nhưng anh T không đồng ý mà xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và N đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, (trên cơ sở nguyện vọng của các cháu). Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: chị A và anh T đều có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con tốt, phù hợp với nguyện vọng của cháu N là được ở với anh T, nguyện vọng của cháu T1 là được ở với chị A, cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014 cho chị A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị A nhận chịu toàn bộ 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A tự nguyện kết hôn với anh T năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2021 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy. Vợ chồng T1 lòng xuyên xẩy ra đánh cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị A bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 10 năm 2021 đến nay, không ai quan tâm

đến cuộc sống chung. Nay anh chị đều tự nguyện ly hôn, được chấp nhận, nên công nhận thuận tình ly hôn cho chị A và anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 và Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014 hiện đang do anh T nuôi dưỡng. Nay chị A xin được nuôi dưỡng cháu T1, nhất trí để anh T nuôi dưỡng cháu N đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; nhưng anh T không đồng ý mà xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và N đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, (trên cơ sở nguyện vọng của các cháu). Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cháu N có nguyện vọng được ở với anh T, cháu T1 có nguyện vọng được ở với chị A; hiện nay cả anh T và chị A đều có đủ điều kiện đảm bảo về mọi mặt để nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó yêu cầu của chị A là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu T1 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết;

[3] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị A và anh T đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất để chị A nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Võ T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành N, sinh ngày 24/3/2013 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Võ Anh T1, sinh ngày 13/8/2014 cho chị A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; hai bên đương sự thỏa thuận tự giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị A nhận chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001680 ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị A đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại chị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001680 ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền